

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI COMMUNICATION SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107645522

3. Ngày thành lập: 24/11/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 5 ngách 31/1/18 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936491006

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bốc xếp hàng hóa	5224
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
3.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
4.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
8.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
10.	Chăn nuôi khác	0149
11.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
12.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
13.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
14.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
15.	Phá dỡ	4311
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
18.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

20.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
21.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
22.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
23.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
24.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
25.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
26.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
28.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết : Dịch vụ cầm đồ	6499
29.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
30.	Bán buôn tổng hợp	4690
31.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
32.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
33.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
34.	Chăn nuôi lợn	0145
35.	Chăn nuôi gia cầm	0146
36.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
37.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
38.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
39.	Xây dựng nhà các loại	4100
40.	Xây dựng công trình công ích	4220
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
42.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
43.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
45.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
46.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
47.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
48.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

51.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
52.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. - Tư vấn Quản lý dự án xây dựng; . - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Tư vấn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm: Tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, dự toán gói thầu xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng, thanh toán và quyết toán hợp đồng xây dựng; thanh toán và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình Lập quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Thi công xây dựng công trình;	7110
56.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
60.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
61.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
62.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729

63.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
66.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
67.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
68.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
69.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
70.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
71.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

6. Vốn điều lệ: 1.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN ĐẮC	Nhóm 4, Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	32.000	320.000.000	20,000	001079014452	
			Tổng số	32.000	320.000.000	20,000		
2	PHẠM THỊ THÙY LINH	Số 5 ngách 31/1/18 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	96.000	960.000.000	60,000	001184000243	
			Tổng số	96.000	960.000.000	60,000		
3	NGUYỄN THỊ LÝ	Số 5, ngách 31/1/18 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	32.000	320.000.000	20,000	011818883	
			Tổng số	32.000	320.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LÝ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/08/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011818883

Ngày cấp: 06/11/2010

Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5, ngách 31/1/18 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 5, ngách 31/1/18 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội